

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2020/HS-ST

Ngày: 24/6/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Mạnh Quang và ông Nguyễn Đình Minh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 24/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 31/2019/HSST ngày 19 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Huy H** (tên gọi khác: T), sinh năm: 1992; HKTT: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông: Trần Văn H1, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1972; HKTT: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Bị cáo có 02 người em, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/3/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1960 – Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Ông Phạm Chí T, sinh năm 1988 – Có mặt

- Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1980 – Có mặt

Địa chỉ: Ấp 8, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1988 – Có mặt
Địa chỉ: Ấp T, TT T, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Ông Lê Thanh S, sinh năm 1994 – Vắng mặt
Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người làm chứng

- Anh Ninh Văn N, sinh năm 1997 – Vắng mặt
Địa chỉ: KP T, TT T, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Ông Nguyễn Bá H3, sinh năm 1982 – Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Ông Lê Đình H4, sinh năm 1969 – Vắng mặt
Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Huy H do cần tiền tiêu xài đã nảy sinh ý định tìm tài sản để trộm cắp. H biết tại khu vực đồng ruộng thuộc ấp 3, xã T, huyện B thường có người dân dắt bò đến ăn cỏ nên khoảng 23 giờ ngày 25/02/2020, H đi bộ đến khu vực đồng ruộng đợi đến khoảng 07 giờ ngày 26/02/2020, có một số người dân dắt bò đến chăn thả. Quan sát đến khoảng 11 giờ cùng ngày, thấy không có người trông coi bò, H đi bộ đến chỗ cột bò, tháo dây và lấy trộm 01 con bò cái, khoảng 03 năm tuổi, T2 lượng 340kg, màu vàng nhạt của bà Lê Thị L. Sau đó, H dắt bò đến cột tại lô cao su (cách đồng ruộng khoảng 500m), H gọi điện thuê ông Nguyễn Bá H là người chạy xe ba gác chở bò đến giấu tại bãi đất trống thuộc ấp T, thị trấn T, huyện B, H trả 350.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn) tiền công. Ngày 27/02/2020, H nhờ Ninh Văn N tìm người mua bò, Nguyễn chở H đến nhà của H Văn T2 thuộc ấp T, thị trấn T, huyện B hỏi bán bò, T2 đồng ý đi xem bò. Sau đó, Nguyễn chở H và T2 đến bãi đất trống xem bò, H thỏa thuận bán bò cho T2 với giá 15.000.000 đồng (mười lăm triệu), hẹn trả tiền sau. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, H tiếp tục thuê ông Nguyễn Bá H3 chở bò từ bãi đất trống đến nhà giao cho anh T2.

Ngày 29/02/2020, bà L trình báo sự việc đến CQCSĐT Công an huyện B. Căn cứ kết quả xác minh, điều tra, CQCSĐT tiến hành thu giữ vật chứng tại nhà của H Văn T2, quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt, tạm giam Trần Huy H về tội trộm cắp tài sản theo Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/2020/BKL - ĐGTS ngày 02/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định giá trị một

con bò cái, khoảng 03 năm tuổi, T2 lượng 340kg, màu vàng nhạt, là 70.000 đồng/kg x 340kg = 23.800.000 đồng, chất lượng sử dụng 100% là 23.800.000 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm nghìn).

Trong quá trình điều tra, bị cáo khai nhận thêm 01 lần phạm tội như sau: Khoảng 08 giờ ngày 31/01/2020, Trần Huy H điều khiển xe mô tô, hiệu Wave (không rõ biển số) mượn của T3 (không rõ nhân thân, lai lịch) đến khu vực ấp 8, xã T, huyện B để tìm tài sản trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi ngang khu vực đồng ruộng thuộc ấp 8, xã T thấy có nhiều người dân mang bò đến chăn thả, H nảy sinh ý định trộm bò bán lấy tiền tiêu xài. H ngồi cách ruộng khoảng 100m quan sát đến khoảng 12 giờ cùng ngày thấy không có người trông coi bò, H dựng xe mô tô tại chỗ rồi đi đến chỗ cột bò, tháo dây và lấy trộm 01 con bò cái, khoảng 06 năm tuổi, T2 lượng 300kg, màu vàng nhạt của ông Phạm Chí T. Sau đó, H dắt bò đến giấu tại một căn nhà bỏ hoang thuộc ấp T, thị trấn T, huyện B, sau đó H quay lại lấy xe. Đến ngày 01/02/2020, H biết anh Lê Thanh S làm nghề mua, bán bò nên đã liên hệ anh S để bán bò, anh S đồng ý đến xem bò. Sau khi xem bò xong, anh S và H thỏa thuận mua bán với giá 12.000.000 đồng (mười hai triệu). Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, S thuê ông Lê Đình H4 chở bò về làm thịt để bán. Khoảng 11 giờ ngày 02/02/2020, S trả tiền bán bò cho H, số tiền này H đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 26/2020/BKL - ĐGTS ngày 02/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định giá trị 01 con bò cái, khoảng 06 năm tuổi, trọng lượng 300kg, màu vàng nhạt, là 70.000 đồng/kg x 300kg = 21.000.000 đồng, chất lượng sử dụng còn lại 100% là 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu).

Tại phiên tòa:

- Đại diện VKSND huyện B giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo từ 09-12 tháng tù; buộc bị cáo bồi thường cho bị hại ông Phạm Chí T 21.000.000 (*Hai mươi một triệu*) đồng; vật chứng đã xử lý không đề nghị xem xét.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của vị đại diện VKSND huyện B đã công bố, bị cáo không có tranh luận gì với bản luận tội của đại diện VKSND và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại ông Phạm Chí T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 21.000.000 (*Hai mươi một triệu*) đồng do tài sản không thu hồi được.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T2 không có yêu cầu và ý kiến tranh luận;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

1. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và những người làm chứng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

2. Về nội dung vụ án: Vì động cơ muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải lao động, Trần Huy H đã lợi dụng lúc chủ tài sản sơ hở, không quản lý tài sản để chiếm đoạt 02 con bò với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 44.800.000 (*Bốn mươi bốn triệu, tám trăm nghìn*) đồng. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó cáo trạng số 34/CTr-VKS ngày 19/5/2019 của VKSND huyện B và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo Trần Huy H là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

3. Xét tính chất mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu, quản lý tài sản của công dân. Bị cáo có đầy đủ nhận thức và năng lực để lao động chân chính nhưng lại chọn cách chiếm đoạt tài sản của người khác bán kiếm tiền phục vụ cho nhu cầu tiêu xài của bản thân mình. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp đến 02 lần trong 01 khoảng thời gian ngắn gây bất an trong nhân dân, thiệt hại đến tài sản của người bị hại không thu hồi được, điều này thể hiện rõ thái độ xem thường pháp luật. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

4. Tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản vào các ngày 31/01/2020 và 26/02/2020 với cùng tội danh “Trộm cắp tài sản”, mỗi lần đều đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm và chưa lần phạm tội nào bị xét xử, do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

5. Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

6. Về vật chứng:

- 01 (một) con bò cái, khoảng 03 năm tuổi, T2 lượng 340kg, màu vàng nhạt là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị L đã được thu giữ tại nhà ông Hoàng Văn T2, cơ quan CSĐT trả lại cho bà L là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

- 01 con bò cái, khoảng 06 năm tuổi, trọng lượng khoảng 300kg, màu vàng nhạt là tài sản hợp pháp của ông Phạm Chí T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T1, không thu hồi được nên không xem xét xử lý.

7. Về trách nhiệm dân sự

Do 01 con bò cái, khoảng 06 năm tuổi, trọng lượng 300kg, màu vàng nhạt không thu hồi được nên ông Phạm Chí T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại theo giá trị tài sản đã định giá là 21.000.000 (*Hai mươi một triệu*) đồng. Bị cáo đồng ý với yêu cầu này nên HĐXX ghi nhận.

8. Các vấn đề khác

- Ông Lê Thanh S và ông Hoàng Văn T2 khi mua bò từ bị cáo không biết nguồn gốc là do trộm cắp mà có nên cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là cơ sở.

- Ông Nguyễn Bá H, ông Lê Đình H4 khi nhận chở bò, ông Ninh Văn N khi tìm người mua bò giúp bị cáo đều không biết nguồn gốc là do trộm cắp mà có nên cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là cơ sở.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo và về trách nhiệm dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

9. Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Trần Huy H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt Trần Huy H 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 04/3/2020)

2. Về trách nhiệm dân sự

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015, tuyên:

Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho ông Phạm Chí T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 số tiền 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.050.000 (Một triệu, không trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện B
- Chi cục THADS huyện B;
- Công an huyện B;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Bị cáo, bị hại, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kiều My